TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 440/2022/DS-ST
Ngày: 30 – 9 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thức.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2022 và ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm, thụ lý số 72/2022/TLST-DS ngày 08/3/2022, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 653/2022/QĐXXST-DS ngày 22/8/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 764/2022/QĐST-DS ngày 14/9/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Nghĩa Đ

Trụ sở: 27G3 KP2, phường TP, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Đình T, sinh năm: 1993 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 68/240 TQK, phường TĐ, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH XD-TM DV NML (vắng mặt).

Trụ sở: 47 đường D9, phường TT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Đức Q, sinh năm 1964.

Thường trú: B1.09 T4A, 295 đường TKTQ, phường TSN, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hồ Thị H, sinh năm 1955 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Trú tại: 27G3 KP2, phường TP, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Nghĩa Đ có ông Nguyễn Đình T đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ngày 03/06/2009, ông Trần Nghĩa Đ và Công ty TNHH XD-TM DV NML (Công ty NML) ký kết Hợp đồng cho vay tiền, cụ thể:

- Ông Đ cho Công ty NML vay số tiền là 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỷ đồng). Số tiền được chuyển cho Công ty NML thành 02 lần (lần 01 là 50.000.000.000 đồng, lần hai sau 10 ngày là 10.000.000.000 đồng).
- Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày ký nhận tiền vay.
- Lãi suất theo hợp đồng là: 02%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Do việc giải ngân tiền vay được chia thành nhiều đợt, ngày 15/12/2009 hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ, tổng số tiền Công ty NML nợ nguyên đơn là 55.502.515.333 *(năm mươi lăm tỷ, năm trăm lẻ hai triệu, năm trăm mười lăm ngàn, ba trăm ba mươi ba)* đồng.

Ngày 01/12/2021, sau nhiều lần nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán số nợ thì hai bên đã gặp mặt để đối chiếu công nợ và thống nhấy dư nợ gốc mà Công ty NML còn thiếu nguyên đơn là 53.478.000.000 *(năm mươi ba tỷ, bốn trăm bảy mươi tám triệu)* đồng. Công ty NML không hứa hẹn ngày nào sẽ trả gốc và tiền lãi.

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu phía Công ty NML trả tiền vay nhưng phía Công ty NML đều trốn tránh không trả nợ.

Nay nguyên đơn yêu cầu Toà án xem xét và buộc Công ty NML phải thanh toán cho nguyên đơn một lần các khoản sau:

- Số tiền gốc là 53.478.000.000 *(năm mươi ba tỷ, bốn trăm bảy mươi tám triệu)* đồng.

- Lãi trong hạn tính từ ngày 08/12/2009 đến ngày 09/6/2010, lãi suất là 13,5%/năm là: 3.619.000.000 đồng.

- Lãi quá hạn tính từ ngày 10/6/2010 đến ngày 30/9/2022, lãi suất là 9%/năm là: 59.272.670.000 đồng.

Tổng cộng là: 116.369.670.000 đồng

Ngoài ra, theo hợp đồng vay ngày 03/6/2009 thì bị đơn có cầm cố tài sản hợp pháp

của mình để bảo bảo khoản vay. Thực tế nguyên đơn không có giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào theo hợp đồng vay ngày 03/6/2009.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn Công ty TNHH XD-TM DV NML đều vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn Công ty TNHH XD-TM DV NML đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng Công ty TNHH XD-TM DV NML đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Nghĩa Đ có ông Nguyễn Đình T đại diện theo uỷ quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn Công ty TNHH XD-TM DV NML vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại tại các buổi làm việc của Tòa án là tự nguyện từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Nghĩa Đ. Công ty TNHH XD-TM DV NML có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Đ số tiền 116.369.670.000 (một trăm mười sáu tỷ, ba trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn) đồng; trong đó nợ gốc 53.478.000.000 *(năm mươi ba tỷ, bốn trăm bảy*

mươi tám triệu) đồng; tiền lãi là 3.619.000.000 đồng + 59.272.670.000 đồng = 62.891.670.000 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn Công ty TNHH XD-TM DV NML có trụ sở tại địa bàn quận Tân Phú (giấy đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên theo công văn số 2391/ĐKKD-T6 ngày 09/5/2022 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thời hiệu, thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:

Ngày 05/01/2022 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, căn cứ Bảng đối chiếu công nợ ngày 01/12/2021 giữa ông Trần Nghĩa Đ và Công ty TNHH XD-TM DV NML, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157, Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 184 Bộ luật tống tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn khởi kiện còn trong thời hiệu. Toà án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là đúng.

Nguyên đơn ông Trần Nghĩa Đ có ông Nguyễn Đình T đại diện theo uỷ quyền có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty TNHH XD-TM DV NML đã được Tòa án tống đạt triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về các yêu cầu của đương sự:

- Xét, nguyên đơn ông Trần Nghĩa Đ yêu cầu Công ty TNHH XD-TM DV NML phải thanh toán cho ông số tiền nợ gốc là 53.478.000.000 (năm mươi ba tỷ, bốn trăm bảy mươi tám triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 30/9/2002 là 62.891.670.000 đồng (trong đó, lãi trong hạn là 3.619.000.000 đồng, lãi quá hạn là 59.272.670.000 đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay Công ty TNHH XD-TM DV NML không có mặt để trình bày lời khai và cung cấp chứng cứ, mặt dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ tài liệu do phía nguyên đơn nộp và Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết để xem xét giải quyết vụ án.

Căn cứ hợp đồng cho vay tiền ngày 03/6/2009 và Bảng đối chiếu công nợ ngày 01/12/2021 giữa ông Trần Nghĩa Đ và Công ty TNHH XD-TM DV NML. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, xét về hình thức và nội dung không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 405 Bộ luật dân sự năm 2005. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH XD-TM DV NML không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho phía nguyên đơn. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu phía Công ty TNHH XD-TM DV NML thanh toán nhưng phía Công ty TNHH XD-TM DV NML đều không thực hiện. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, yêu cầu thanh toán nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: khi các bên xác lập hợp đồng cho vay tiền có thỏa thuận về việc trả lãi, hết thời hạn vay (06 tháng), bị đơn không thực hiện việc trả tiền cho nguyên đơn. Căn cứ Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: "*Hợp đồng đang được thực hiện mà lãi, lãi suất không phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14-6-2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết*".

Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn: "*2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau:*

a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng tương ứng với thời gian vay chưa trả lãi. Trường hợp các bên không xác định rõ lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ.

Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = (nợ gốc chưa trả) x (lãi suất theo thỏa thuận hoặc lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng) x (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc);

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả.

Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc);"

Theo công văn số 244/TANDTC-KHXX ngày 05/11/2012 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn: "*… theo quy định tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của*

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây viết tắt là Quyết định 2868) quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm, có hiệu lực từ ngày 01-12-2010. Hiện nay vẫn áp dụng mức lãi suất cơ bản quy định tại Quyết định 2868 cho đến khi có văn bản sửa đổi, hủy bỏ Quyết định 2868 …". Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "… *Lãi suất vay do các bên thoả thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố …*". Mức lãi suất tối đa được áp dụng theo hướng dẫn sẽ là: 9%/năm x 150% = 13,5%/năm; 1,125%/tháng; 0,0375%/ngày.

Xét, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ trong hạn với lãi suất là 13,5%/năm, lãi quá hạn với lãi suất là 9%/năm. Mức lãi suất này thấp hơn mức lãi suất 02%/tháng trong hợp đồng cho vay tiền ngày 03/6/2009. Yêu cầu này là có lợi cho bị đơn và phù hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 và khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: tiền lãi theo mức lãi suất quy định theo Bộ luật dân sự 2005 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được tính như sau:

- Lãi trong hạn tính từ ngày 08/12/2009 đến ngày 09/6/2010 là 182 ngày, lãi suất là 13,5%/năm là: 53.478.000.000 đồng x 13,5%/năm x 182 ngày = 3.619.000.000 đồng.

- Lãi quá hạn tính từ ngày 10/6/2010 đến ngày 30/9/2022 là 4.495 ngày, lãi suất là 9%/năm là: 53.478.000.000 đồng x 9%/năm x 4.495 ngày = 59.272.670.000 đồng.

Tổng số tiền lãi: 3.619.000.000 đồng + 59.272.670.000 đồng = 62.891.670.000 đồng

Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: 53.478.000.000 đồng + 62.891.670.000 đồng = 116.369.670.000 đồng.

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Nghĩa Đ. Buộc bị đơn Công ty TNHH XD-TM DV NML phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 53.478.000.000 đồng; tiền lãi là 62.891.670.000 đồng. Tổng cộng 116.369.670.000 đồng.

Về thời hạn thanh toán:

Hội đồng xét xử nhận thấy: thời hạn vay của hợp đồng là 06 tháng, đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán xong là vi phạm nghĩa vụ và gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu thanh toán một lần số tiền nợ gốc và nợ lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Nghĩa Đ được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH XD-TM DV NML phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền

116.369.670.000 đồng là: 224.369.670 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 179; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 246; Điều 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 129, Điều 136, Điều137, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Điểm c khoản 1 Điều 2 và khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Nghĩa Đ.

Buộc Công ty TNHH XD-TM DV NML phải thanh toán cho ông Trần Nghĩa Đ số tiền 116.369.670.000 (một trăm mười sáu tỷ, ba trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn) đồng; trong đó nợ gốc là 53.478.000.000 *(năm mươi ba tỷ, bốn trăm bảy mươi tám triệu)* đồng; tiền lãi là 62.891.670.000 (sáu mươi hai tỷ, tám trăm chin mươi mốt triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH XD-TM DV NML phải nộp số tiền án phí là 224.369.670 (hai trăm hai mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi chín ngàn, sáu trăm bảy mươi) đồng.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Ông Trần Nghĩa Đ, Công ty TNHH XD-TM DV NML và bà Hồ Thị Huệ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Anh Tuấn